

Cập nhật vĩ mô

Chỉ tiêu chính		
	Q2/25	Q3/25
Tăng trưởng GDP	8,2%	8,2%
Công nghiệp xây dựng	8,8%	9,5%
Dịch vụ	9,1%	8,6%
Nông nghiệp	4,0%	3,7%
	T9/25	T10/25
Bán lẻ YoY	12,1%	7,2%
Khách QT (triệu lượt)	1,52	1,73
Xuất khẩu YoY	24,7%	17,5%
Nhập khẩu	24,9%	16,8%
Thặng dư TM (triệu đồng)	2,846	2,604
PMI	50,4	54,5
IIP YoY	13,6%	10,8%
FDI thực hiện YoY	6,6%	10,9%
Đầu tư công YoY	32,5%	26,4%
CPI YoY	3,38%	3,25%
USD/VND	26.424	26.331
LS tái cấp vốn	4,5%	4,5%
LS tái chiết khấu	3,0%	3,0%
Tăng trưởng TD	13,4%	15,1%
Lợi suất TPCP		
5 năm	3,06%	3,16%
10 năm	3,62%	3,83%

Bức tranh sản xuất và thương mại tháng 10 khởi sắc

- Chỉ số PMI tăng lên mức 54,5, đơn hàng xuất khẩu mới tăng trở lại.
- Xuất khẩu tháng 10 giảm tốc nhưng vẫn tăng 17,5% svck.
- FDI đăng ký mới cải thiện tháng thứ tư liên tiếp.

Việt Nam củng cố sức mạnh cho các mục tiêu dài hạn

Quốc hội đã thông qua mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 ở mức 10% trở lên và GDP bình quân đầu người đạt 5.400–5.500 USD. Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV đã ghi nhận khối lượng công việc lập pháp lớn kỷ lục, bao gồm 49 dự thảo luật và 4 nghị quyết. Đáng chú ý, Quốc hội cũng xem xét chuẩn bị khung pháp lý cho việc thành lập Trung tâm Tài chính Quốc tế (IFC) tại Đà Nẵng trong tháng 11/2025, đánh dấu bước ngoặt chiến lược nhằm thu hút vốn toàn cầu và cải cách pháp lý theo chuẩn mực quốc tế. Về đối ngoại, Việt Nam củng cố vị thế hội nhập sâu rộng, thiết lập quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện với 14 quốc gia và tham gia 17 FTA, nhằm đa dạng hóa xuất khẩu và thu hút FDI chất lượng cao.

Bức tranh sản xuất và thương mại tích cực hơn

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng mạnh 10,8% svck, với động lực chính đến từ ngành chế biến, chế tạo (tăng 11,4% svck) và nhu cầu thép nội địa tăng nhờ đầu tư công tăng. Đáng chú ý, chỉ số PMI ngành sản xuất tăng lên 54,5 điểm, đánh dấu lần đầu tiên đơn hàng xuất khẩu tăng trở lại sau hơn một năm. Sau giai đoạn tích trữ hàng, tăng trưởng xuất khẩu đã chậm lại chủ yếu do xuất khẩu sang Mỹ giảm so với tháng trước nhưng vẫn tăng trưởng mạnh svck. Các doanh nghiệp FDI tiếp tục dẫn tăng trưởng nhờ các mặt hàng máy tính, điện tử và linh kiện (có mức thuế đối ứng dưới 10%). Trong khi xuất khẩu của các doanh nghiệp trong nước tiếp tục giảm do một số sản phẩm có tỷ trọng cao như gạo, dầu thô, xăng dầu, sắt thép giảm trước diễn biến giá không thuận lợi.

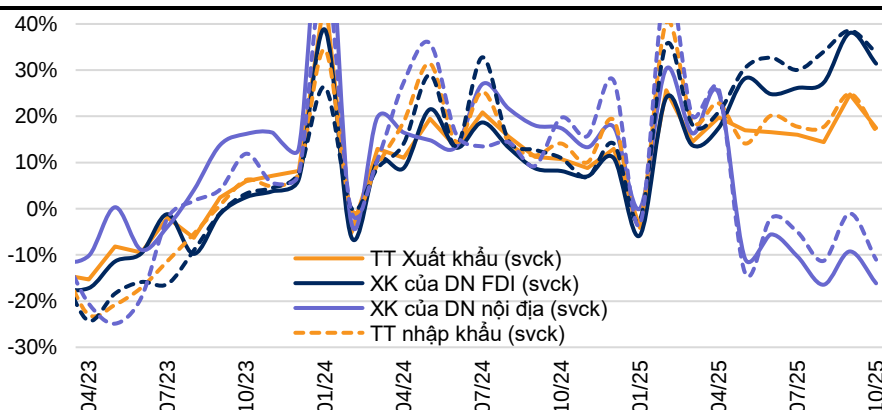
FDI đăng ký mới cải thiện tháng thứ tư liên tiếp

FDI đăng ký mới tháng 10 đạt 1,7 tỷ USD, mức cao nhất trong bốn tháng, cho thấy các dự án mới đã dần quay trở lại khi bức tranh thuế quan rõ ràng hơn (phù hợp với việc số lượng đơn hàng mới tăng trở lại). Lũy kế 10T25, FDI đăng ký và giải ngân đạt lần lượt 31,5 tỷ USD (+15,6% svck) và 21,8 tỷ USD (+8,9% svck). Với lợi thế cạnh tranh và mạng lưới FTA rộng, Việt Nam tiếp tục củng cố vị thế là trung tâm sản xuất-xuất khẩu, thu hút dịch chuyển đầu tư toàn cầu.

Lạm phát trong kiểm soát, rủi ro tỷ giá vẫn còn

Áp lực lạm phát T10/25 giảm nhẹ với CPI tăng 3,25% svck (tăng 3,38% trong T9/25). Dù giá thực phẩm tăng do lũ lụt, giá xăng giảm đã giúp trung hòa bớt áp lực. Được hỗ trợ bởi Fed hạ lãi suất và NHNN bán USD kỳ hạn, tỷ giá USD/VND giảm nhẹ xuống 26,300 (+3,1% sv đầu năm) ngày 10/11, nhưng sau đó tăng trở lại do xác suất hạ lãi suất của Fed trong tháng 12 giảm xuống dưới 50% (theo CME Fed Watch ngày 16/11). Dù vậy, chúng tôi kỳ vọng nguồn cung ngoại tệ từ FDI, thặng dư thương mại và kiều hối sẽ giúp NHNN kiểm soát tỷ giá vào cuối năm.

Hình 1: Tăng trưởng xuất nhập khẩu hàng tháng



Chuyên viên Phân tích

Trương Thanh Nguyên

nguyen.truongthanh@vndirect.com.vn

Nguồn: Cục Thống Kê, VNDIRECT RESEARCH

Việt Nam củng cố nội lực cho mục tiêu dài hạn

Việt Nam thúc đẩy cải cách, đặt mục tiêu tăng trưởng 10%

Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV diễn ra trong tháng 10 -11 đã xem xét 66 nội dung, bao gồm 49 dự thảo luật, 4 nghị quyết và 13 vấn đề kinh tế – xã hội, đánh dấu khối lượng công việc lập pháp lớn nhất kể từ đầu nhiệm kỳ.

Quốc hội chính thức thông qua mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 ở mức 10% trở lên và giao chỉ tiêu GDP bình quân đầu người đạt 5.400–5.500 USD. Quốc hội cũng chính thức thông qua dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026, đặt tổng thu ở mức khoảng 2.529 nghìn tỷ đồng (96,2 tỷ USD), tổng chi 3.159 nghìn tỷ đồng (120,1 tỷ USD) và dự kiến bội chi khoảng 605 nghìn tỷ đồng (23 tỷ USD), tương đương 4,2% GDP.

Bên cạnh các nghị định, luật sửa đổi nhằm tăng cường tính cạnh tranh, minh bạch trên thị trường tài chính, đầu tư, Chính phủ đã xem xét 8 dự thảo nghị định hướng dẫn thực hiện **Nghị quyết 222/2025/QH15 về thành lập trung tâm tài chính quốc tế (IFC)**, bao gồm các lĩnh vực: lao động, đất đai, trọng tài quốc tế, thủ tục thành lập, chính sách tài chính, cấp phép ngân hàng và quản lý ngoại hối, hoạt động sàn giao dịch hàng hóa, và chính sách xuất nhập cảnh cho người nước ngoài. Dự thảo đánh dấu một bước tiến đáng kể trong con đường xây dựng trung tâm tài chính tại Việt Nam, cho phép thành viên IFC được tự do tiếp cận nguồn vốn quốc tế, đồng thời bảo đảm minh bạch thông tin và trách nhiệm giải trình. IFC dự kiến đặt tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, với yêu cầu đi vào hoạt động trong tháng 11/2025 theo chỉ đạo của Thủ tướng. IFC không chỉ thu hút vốn đầu tư mà còn xây dựng hệ sinh thái tài chính và đổi mới sáng tạo, giúp Việt Nam gắn kết sâu hơn với khu vực và thế giới; tuy nhiên, cần hoàn thiện khung pháp lý và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để vận hành hiệu quả.

Việt Nam tăng cường hợp tác, khẳng định vị thế

Trong bối cảnh chủ nghĩa bảo hộ toàn cầu gia tăng, Việt Nam tiếp tục thắt chặt, nâng cấp các mối quan hệ hợp tác trên nhiều lĩnh vực khác nhau, khẳng định vị thế của Việt Nam trong bản đồ thương mại và đầu tư quốc tế.

Tính đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện (ĐTCLTD) với 14 quốc gia (chỉ riêng trong năm 2025, Việt Nam đã nâng cấp quan hệ ĐTCLTD với 4 nước (New Zealand, Indonesia, Singapore, Thái Lan) và 17 Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) đã ký với hơn 63 đối tác.

Với kết quả này, Việt Nam đã trở thành một trong những nền kinh tế hội nhập sâu rộng nhất khu vực. Sự chủ động tham gia các FTA giúp Việt Nam đa dạng hóa xuất khẩu, thu hút FDI chất lượng cao, hỗ trợ chuyển đổi xanh và số hóa, và củng cố vị thế cạnh tranh. Dù vậy, chúng tôi vẫn lưu ý rằng nhiều doanh nghiệp Việt Nam vẫn khó khăn trong việc đáp ứng quy tắc xuất xứ, tiếp cận thuế suất ưu đãi và khai thác đầy đủ các điều khoản trong các FTA thế hệ mới.

Hình 2: Các thỏa thuận, hợp tác thương mại nổi bật trong tháng 10 -11/2025

Đối tác	Ngày (2025)	Thỏa thuận chính
Mỹ	26/10	Công bố Tuyên bố chung về Khuôn khổ Thương mại Đối ứng, Công bằng và Cân bằng . Việt Nam mở rộng tiếp cận thị trường ưu đãi cho hầu hết các mặt hàng nông sản và công nghiệp xuất khẩu của Mỹ. Ngược lại, Mỹ duy trì mức thuế đối ứng 20% như đã quy định — với khả năng điều chỉnh về 0% đối với một số mặt hàng Mỹ không có lợi thế sản xuất theo Phụ lục III của Sắc lệnh Hành pháp 14346. Hai bên ghi nhận các thỏa thuận thương mại đã ký gần đây trong các lĩnh vực nông nghiệp, hàng không và năng lượng

		— bao gồm đơn hàng máy bay trị giá 8 tỷ USD của Vietnam Airlines với Boeing và các biên bản ghi nhớ mua nông sản Mỹ trị giá 2,9 tỷ USD.
ASEAN - Trung Quốc	28/10	Ký kết nghị định thư nâng cấp Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA 3.0) , tập trung vào kinh tế số, kết nối chuỗi cung ứng, bảo vệ người tiêu dùng, và hỗ trợ DNNVV.
Vương Quốc Anh	29/10	Nâng cấp quan hệ lên Đối tác chiến lược toàn diện (ĐTCLTD) trên sau lĩnh vực
Úc	4/11	Ký Biên bản ghi nhớ (MoU) tăng cường hợp tác nhằm tối đa hóa tiềm năng của các FTA đã ký .

Bức tranh sản xuất và thương mại tháng 10 khởi sắc

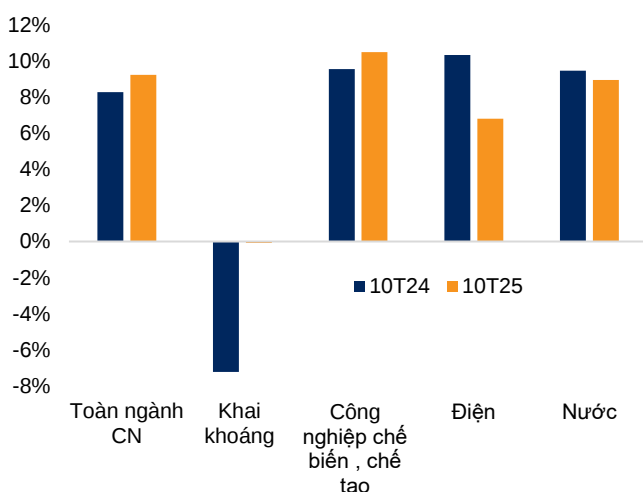
Sản xuất duy trì đà tăng trưởng trong tháng 10

Theo Cục Thống kê (NSO), ngành công nghiệp tiếp tục duy trì đà tăng trưởng trong tháng 10, được hỗ trợ bởi sự phục hồi trên diện rộng ở các ngành chủ chốt và sản lượng tăng của một số sản phẩm. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 2,4% MoM, cao hơn mức 0,1% MoM của tháng 9. So với cùng kỳ, sản lượng công nghiệp tăng 10,8%, thấp hơn một chút so với mức điều chỉnh của tháng 9 là 12,7% YoY.

Đà tăng trưởng được củng cố bởi ngành chế biến, chế tạo, tăng 11,4% svck với mức tăng mạnh nhất từ ngành kim loại, bao gồm chỉ số sản xuất kim loại (+28,7% YoY) và chỉ số sản xuất than cốc (+20,7%). Đáng chú ý, sản lượng thép ghi nhận mức tăng mạnh ở các sản phẩm công nghiệp chủ lực trong tháng thứ hai liên tiếp, với thép thô (+20,4% YoY) và thép cán (+36,8% YoY), phản ánh nhu cầu nội địa tiếp tục tăng nhờ đầu tư công được đẩy nhanh vào hạ tầng, xây dựng và các dự án bất động sản công nghiệp trong những tháng gần đây.

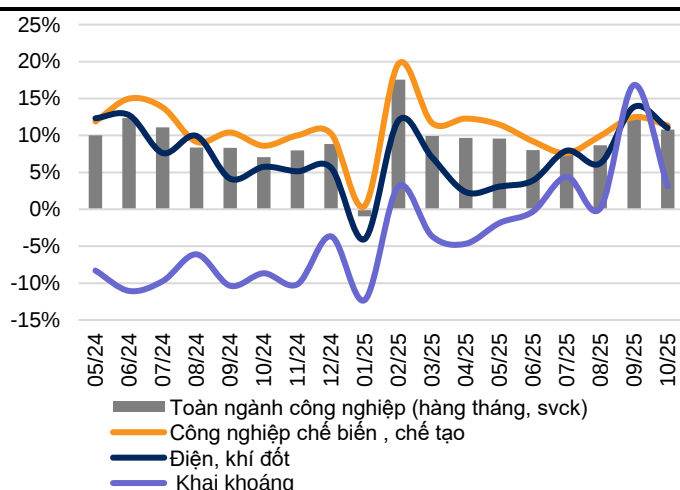
Trong 10T25, sản lượng công nghiệp chung tăng 9,2% YoY, trong khi ngành chế biến, chế tạo tăng tốc lên 10,5%, vượt mức tăng 9,6% của 10T24.

Hình 3: Chỉ số IIP 10T25 so với 10T24



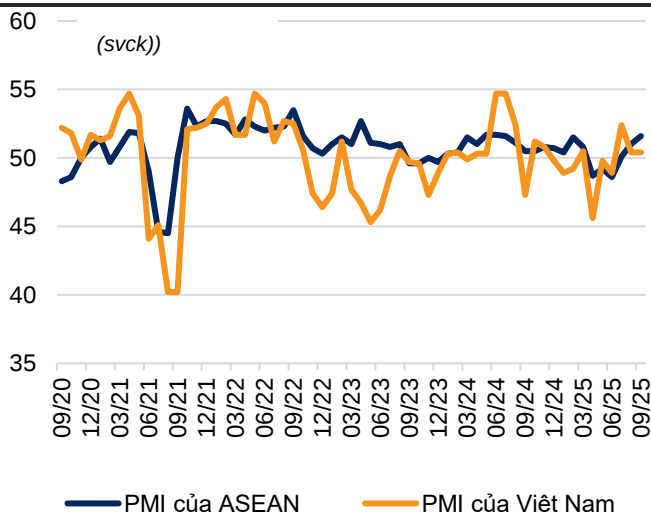
Nguồn: Cục Thống Kê, VNDIRECT RESEARCH

Hình 4: Chỉ số sản xuất công nghiệp hàng tháng



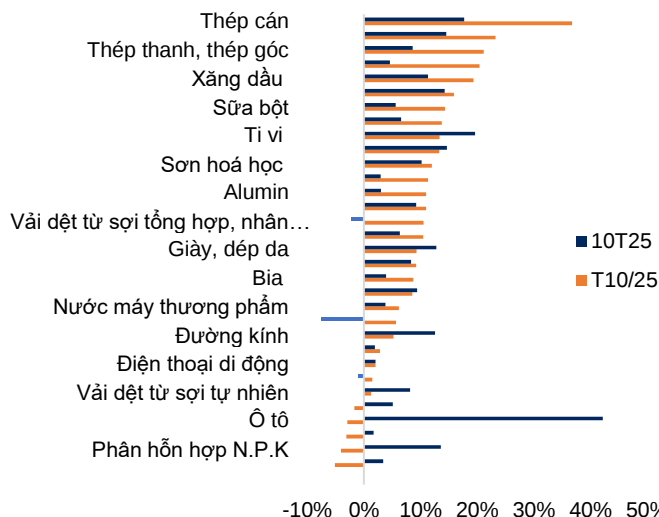
Nguồn: Cục Thống Kê, VNDIRECT RESEARCH

Hình 5: Chỉ số PMI ngành sản xuất



Nguồn: S&P Global, VNDIRECT RESEARCH

Hình 6: Tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm công nghiệp



Nguồn: Cục Thống Kê, VNDIRECT RESEARCH

PMI: Đơn hàng xuất khẩu tăng trở lại sau hơn một năm

Ngành sản xuất Việt Nam ghi nhận đà tăng trưởng mạnh trong tháng 10, với chỉ số PMI ngành sản xuất S&P Global Việt Nam tăng lên 54,5 điểm từ mức 50,4 điểm của tháng 9—mức cải thiện hàng tháng mạnh nhất kể từ tháng 7/2024.

PMI ngành sản xuất Việt Nam có tăng mạnh trong tháng 10 nhờ đơn hàng mới tăng tháng thứ hai liên tiếp và đơn hàng xuất khẩu mới đóng góp tích cực lần đầu tiên trong một năm. Sự gia tăng đơn hàng mới và nhu cầu sản xuất đi kèm với việc mở rộng hoạt động mua hàng, đánh dấu tháng thứ tư liên tiếp tăng trưởng. Hoạt động mua hàng mạnh hơn dẫn đến tồn kho nguyên liệu đầu vào tăng, lần đầu tiên kể từ năm 2023, trong khi tồn kho thành phẩm giảm do doanh nghiệp sử dụng hàng tồn để đáp ứng đơn hàng mới.

Trong khi đó, lạm phát chi phí đầu vào tăng tốc lên mức nhanh nhất kể từ tháng 7/2024, và thời tiết xấu cùng lũ lụt góp phần kéo dài đáng kể thời gian giao hàng từ nhà cung cấp—mức chậm trễ lớn nhất kể từ tháng 7.

Nhìn chung, ngành sản xuất thể hiện khả năng chống chịu và thích ứng, với cải thiện ở hầu hết các thành phần PMI. Việc tuyển dụng trở lại và tích trữ nguyên liệu phản ánh sự lạc quan về đơn hàng sắp tới, trong khi hoạt động xuất khẩu cải thiện dần cho thấy nhu cầu bên ngoài đang phục hồi. Tuy nhiên, rủi ro vẫn tồn tại—bao gồm chi phí đầu vào tăng gây áp lực lên giá đầu ra, cũng như điều kiện thời tiết cực đoan.

Tăng trưởng bán lẻ giảm tốc do ảnh hưởng bởi thiên tai

Tăng trưởng doanh số bán lẻ giảm xuống mức thấp nhất trong một năm, do hoạt động bán lẻ và dịch vụ bị ảnh hưởng bởi bão và lũ lụt. Bão Matmo đầu tháng Mười gây ngập lụt nghiêm trọng tại các tỉnh phía Bắc, trong khi miền Trung Việt Nam hứng chịu mưa lớn và lũ lụt vào cuối tháng Mười.

Doanh số bán lẻ tăng +7,2% svck (so với +11,3% trong tháng 9), trong khi chỉ tăng nhẹ +0,2% so với tháng trước. Tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hóa giảm, chỉ tăng 5,7% (so với 10,4% trong tháng 9), mức thấp nhất kể từ tháng 2/2022.

Dịch vụ lưu trú và ăn uống (+14,1% so với +15% trong tháng 9) và du lịch (+18,8% so với +19,7% trong tháng 9) vẫn khá ổn định. Lượng khách quốc tế đến Việt Nam trong tháng 10 tăng lên mức cao nhất kể từ tháng Ba, đạt 1,73

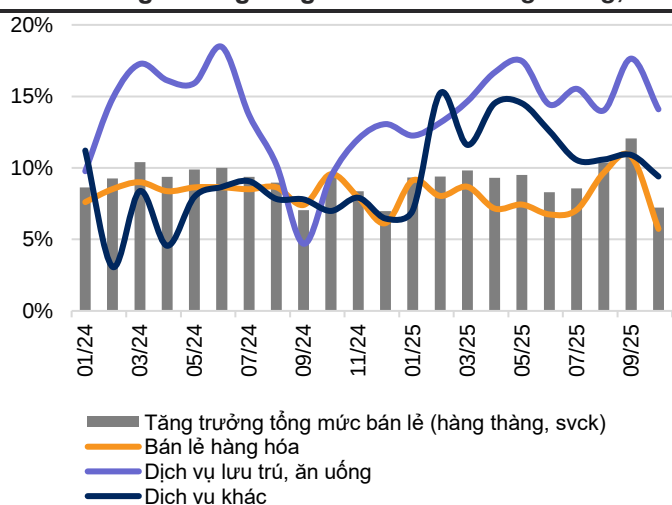
triệu lượt, tăng 13,8% so với tháng trước và 22% svck. Tăng trưởng được dẫn dắt bởi khách Trung Quốc (+41,9%), ASEAN (+36,8%) và châu Âu (+34,9%).

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng kỳ báo cáo từ 26/9 đến 25/10 vẫn chưa phản ánh tác động từ lũ lớn ở Hội An và các khu vực miền Trung vào cuối tháng 10.

Các chính sách thuế thay đổi củng cố triển vọng tiêu dùng

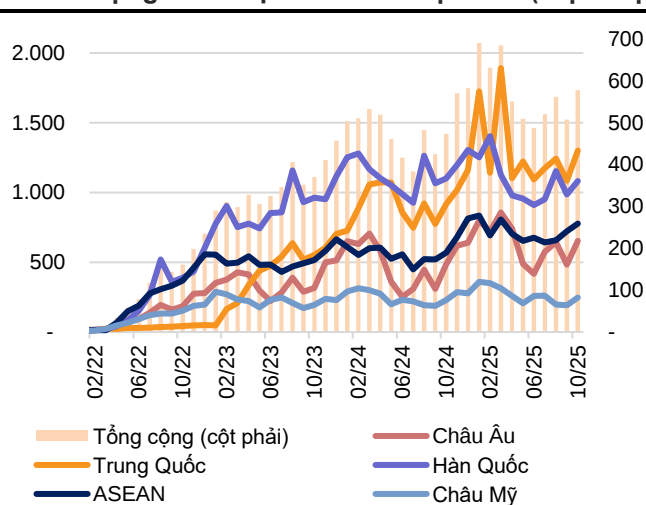
Mặc dù các ảnh hưởng thời tiết có thể gây ra một số gián đoạn tạm thời, triển vọng tiêu dùng vẫn tích cực nhờ kinh tế cải thiện, thị trường lao động ổn định, tăng trưởng mạnh về lượng khách du lịch và chính sách thuận lợi của Chính phủ. Các chính sách hỗ trợ tăng trưởng của Chính phủ bao gồm giảm 2 điểm phần trăm thuế VAT đến cuối năm 2026, bổ sung vận tải, logistics, hàng hóa và dịch vụ CNTT vào danh sách sản phẩm được hưởng ưu đãi, cùng với đề xuất sửa đổi Luật Thuế Thu nhập Cá nhân nhằm tăng thu nhập khả dụng.

Hình 7: Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng tháng, svck



Nguồn: Cục Thống Kê, VNDIRECT RESEARCH

Hình 8: Lượng khách quốc tế đến Việt Nam (triệu lượt)



Nguồn: CEIC, Cục Thống Kê, VNDIRECT RESEARCH

FDI và đầu tư công thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

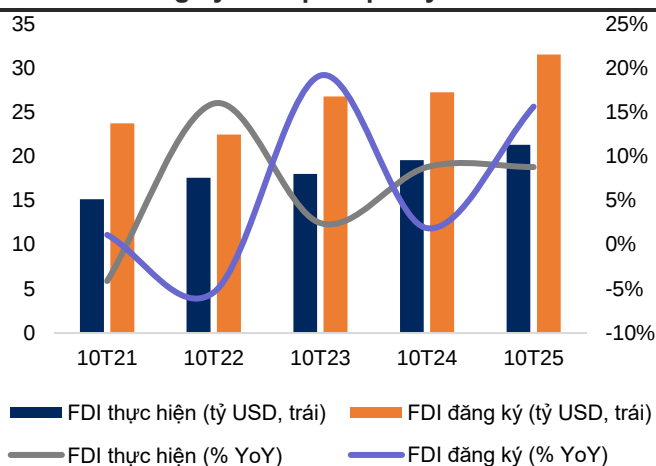
Vốn FDI đăng ký mới cao nhất trong bốn tháng

Tình hình đăng ký và giải ngân FDI đã cải thiện hơn sau các kết quả đàm phán giữa Mỹ và Việt Nam. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI), vốn FDI đăng ký tháng 10 đạt 2.98 tỷ USD (+24% so với tháng trước), trong đó vốn FDI đăng ký mới đạt 1,7 tỷ USD (+23,5% so với tháng trước), cho thấy xu hướng cải thiện trong bốn tháng liên tiếp. Tính chung 10T25, vốn FDI cam kết vào Việt Nam đạt 31,5 tỷ USD, tăng 15,6% svck, trong đó FDI đăng mới giảm 7,6% svck, phản ánh xu hướng thận trọng trước khi Mỹ công bố các hàng rào thuế quan.

FDI giải ngân tháng 10 đạt 2,5 tỷ USD, giảm so với mức 3,5 tỷ USD trong tháng 9 nhưng vẫn tăng 11,6% svck và mức giải ngân cao thứ hai trong bốn tháng qua nâng tổng FDI giải ngân 10T25 đạt 21,8 tỷ USD, tăng 8,88% svck.

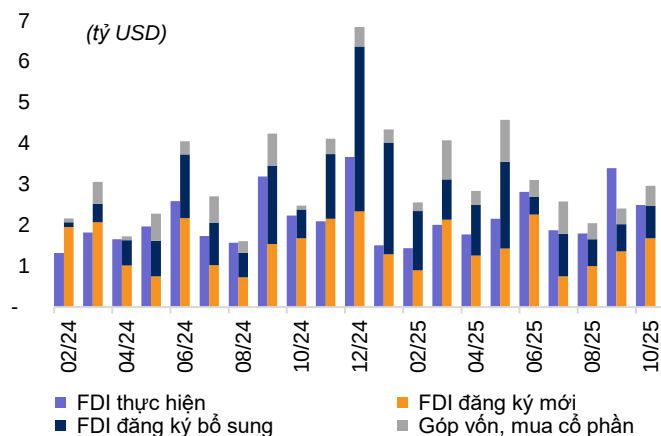
Ngành chế biến chế tạo chiếm tỷ trọng lớn nhất (57,5%) trong tổng vốn FDI cam kết vào Việt Nam trong 10T25. Bên cạnh đó, chúng tôi cho rằng ngành điện tử là một trong những lĩnh vực hưởng lợi rõ rệt từ FDI nhờ hưởng lợi từ mức thuế đối ứng dưới 10%. Theo một số thông tin không chính thức, Apple được cho đã hợp tác với BYD trong tháng 10 để sản xuất các thiết bị trung tâm thông minh và robot để bàn đầu tiên trong tháng tại Việt Nam. Trước đó, tập đoàn Desaym, doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực sản xuất pin lithium tại Trung Quốc, dự kiến đầu tư thêm 25 triệu USD tại Bắc Ninh.

Hình 9: FDI đăng ký và thực hiện lũy kế



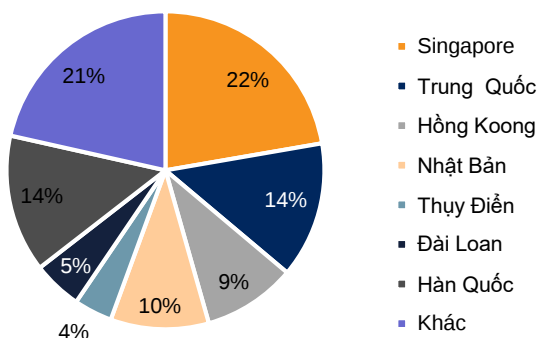
Nguồn: Bộ KH&ĐT, VNDIRECT RESEARCH

Hình 10: FDI đăng ký và thực hiện hàng tháng



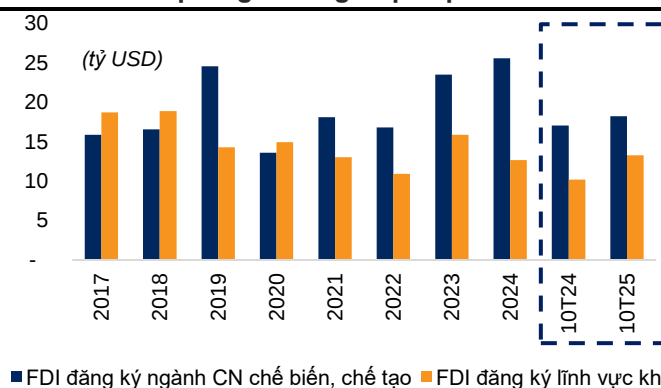
Nguồn: Bộ KH&ĐT, VNDIRECT RESEARCH

Hình 11: Singapore dẫn đầu về vốn FDI đăng ký mới và điều chỉnh trong 10T25



Nguồn: Bộ KH&ĐT, VNDIRECT RESEARCH

Hình 12: Sản xuất thu hút vốn FDI đăng ký lớn nhất trong 10T25 dù tốc độ tăng trưởng chậm lại



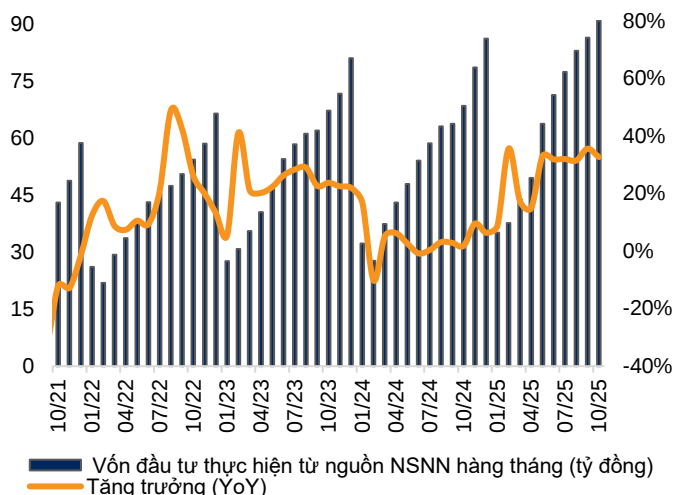
Nguồn: Bộ KH&ĐT, VNDIRECT RESEARCH

Dù bất ổn toàn cầu có thể ảnh hưởng đến dòng vốn đầu tư toàn cầu, chúng tôi kỳ vọng FDI vào Việt Nam sẽ duy trì tương đối ổn định. Động lực đến từ khoảng cách thuế quan ngày càng lớn giữa Mỹ và Trung Quốc cùng lợi thế cạnh tranh của Việt Nam—chi phí lao động thấp, vị trí chiến lược và mạng lưới FTA rộng—giúp củng cố sức hút của Việt Nam như một trung tâm sản xuất–xuất khẩu. Trong bối cảnh bảo hộ thương mại gia tăng, các yếu tố này sẽ thúc đẩy dịch chuyển đầu tư và sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam, hỗ trợ tăng trưởng xuất khẩu và mở rộng công nghiệp trong trung hạn.

Áp lực giải ngân đầu tư công lớn cao cuối năm

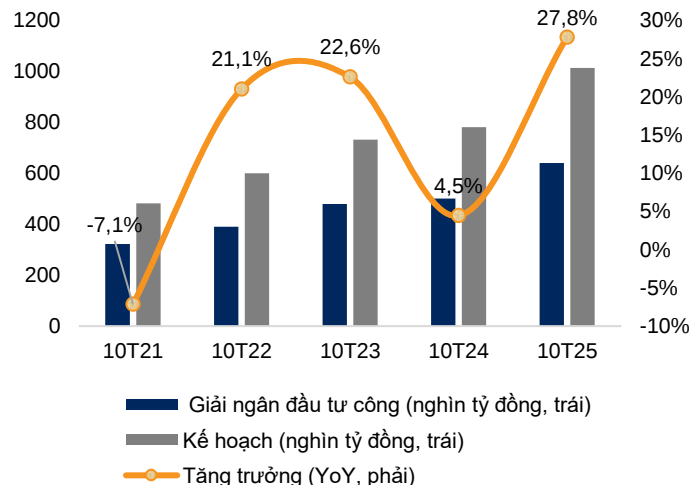
Theo NSO, tháng 10/2025 ghi nhận vốn đầu tư công thực hiện tăng 25,4% so với cùng kỳ năm trước lên 91,1 nghìn tỷ đồng (3,5 tỷ USD). Lũy kế 10T25, vốn đầu tư công thực hiện tăng 27,8% so với cùng kỳ năm trước lên 640,1 nghìn tỷ đồng (24,3 tỷ USD), cao hơn mức tăng 7,8% trong 10T24. Với kết quả này, vốn đầu tư công thực hiện trong 10T25 đạt 63,1% kế hoạch năm, thấp hơn tỷ lệ 64,3% của 10T24. Trong khi đó, theo Bộ Tài chính (MoF), giải ngân vốn đầu tư công đạt 491,1 nghìn tỷ đồng (18,6 tỷ USD), tương đương 54,4% kế hoạch của Thủ tướng, cao hơn mức 50,9% trong 10T24, cho thấy áp lực giải ngân khá lớn trong hai tháng cuối năm.

Hình 13: Đầu tư công



Nguồn: Cục Thống Kê, VNDIRECT RESEARCH

Hình 14: Tăng trưởng đầu tư công thực hiện



Nguồn: Cục Thống Kê, VNDIRECT RESEARCH

Việt Nam sẽ khởi công các dự án quốc gia trọng điểm từ đầu năm 2026

Hình 15: Danh sách các dự án đầu tư công và hợp tác công tư trọng điểm

Dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031-2035
I. Cao tốc & đường vành đai										
Cao tốc Cà Mau – Đất Mũi	57.896									
Cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng	44.691									
Vành đai 4 Hà Nội	56.290									
Vành đai 3 TP.HCM	75.378									
Vành đai 4 TP.HCM (giai đoạn 1)	122.744									
Cao tốc TP.HCM – Mỹ Thuận (mở rộng)	41.372									
Cao tốc Quy Nhơn – Pleiku	43.734									
12 dự án thành phần của tuyến cao tốc Bắc – Nam phía Đông	146.990									
II. Đường sắt cao tốc & đường sắt đô thị										
Đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng (kết nối với Trung Quốc)	295.220									
Đường sắt cao tốc Bắc – Nam	1.713.548									
Metro số 2 Bến Thành – Tham Lương (TP.HCM)	47.800									
Metro số 2 Nam Thăng Long – Trần Hưng Đạo (Hà Nội)	35.588									
Metro số 5 Văn Cao – Hòa Lạc (Hà Nội)	74.000									
Metro Bến Thành - Cầu Giời	86.650									
Metro số 3, 4, 5, 6, 7 (TP.HCM)	1.144.000									
III. Cảng biển										
Cảng trung chuyển quốc tế Cầu Giời (gồm 7 giai đoạn)*	113.532									
Cảng container Liên Chiểu (Đà Nẵng)	45.268									
IV. Sân bay quốc tế										
Sân bay quốc tế Gia Bình (giai đoạn 1)	141.236									
Sân bay quốc tế Long Thành (giai đoạn 1)	114.500									
V. Năng lượng & khác										
Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 & 2	563.706									
21 dự án phục vụ Hội nghị APEC 2027 - Phú Quốc - Kiên Giang	137.280									
Tổng	5.101.423									
Ghi chú: ■ Đang xây dựng ■ Kế hoạch										

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hàng loạt dự án đầu tư công trọng điểm dự kiến khởi công cuối năm 2025 và 2026 như Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận, tuyến đường sắt quốc tế kết nối Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng và Trung Quốc, sân bay quốc tế Gia Bình, Cảng trung chuyển quốc tế Cầu Giời và 21 dự án phục vụ Hội nghị APEC 2027. Chỉ

tính riêng trong khoảng 20 dự án trọng điểm quốc gia thực hiện trong giai đoạn 2026 – 2030 và tầm nhìn đến 2035, tổng mức đầu tư đã hơn 5,1 triệu tỷ đồng. Những nỗ lực này nằm trong kế hoạch tổng thể nhằm tái định hình mô hình tăng trưởng của Việt Nam.

Thu ngân sách Nhà nước trong 10T25 vượt kế hoạch cả năm

Dù Chính phủ tiếp tục thực hiện miễn, giảm và gia hạn thuế, phí, tiền thuê đất để hỗ trợ doanh nghiệp với tổng giá trị ước hơn 217 nghìn tỷ đồng (8,24 tỷ USD) đến cuối tháng 10, thu ngân sách vẫn ghi nhận kết quả tích cực nhờ sản xuất, kinh doanh và thị trường bất động sản phục hồi.

Theo Bộ Tài chính, thu ngân sách Nhà nước tăng 30,8% svck lên 2.182,7 nghìn tỷ đồng (82,8 tỷ USD) trong 10T25, đạt 111,0% kế hoạch năm, vượt mục tiêu cả năm. Thu nội địa và thu từ dầu thô từ xuất nhập khẩu mạnh và vượt kết hoạch cả năm. Tuy nhiên, thu từ dầu thô giảm 16,3% svck và chỉ đạt 75,7 kế hoạch do sản lượng khai thác giảm trong bối cảnh giá quốc tế từ đầu năm đến nay đã giảm 16%.

Ở chiều ngược lại, chi ngân sách Nhà nước ước đạt 1.835,7 nghìn tỷ đồng (69,7 tỷ USD) trong 10T25, bằng 71,2% kế hoạch cả năm và tăng 32,1% svck. Trong đó, chi đầu tư phát triển ước đạt 491,1 nghìn tỷ đồng (18,6 tỷ USD), tăng mạnh 41,9% svck nhưng chỉ mới hoàn thành 62,1% kế hoạch, cho thấy áp lực giải ngân lớn vào cuối năm.

Tính đến T10/25, ngân sách Nhà nước vẫn đang thặng dư 347,0 nghìn tỷ đồng (13,2 tỷ USD) tăng 24% svck, và còn khá xa so với mục tiêu thâm hụt ngân sách 471,5 nghìn tỷ đồng (17,9 tỷ USD) trong năm 2025.

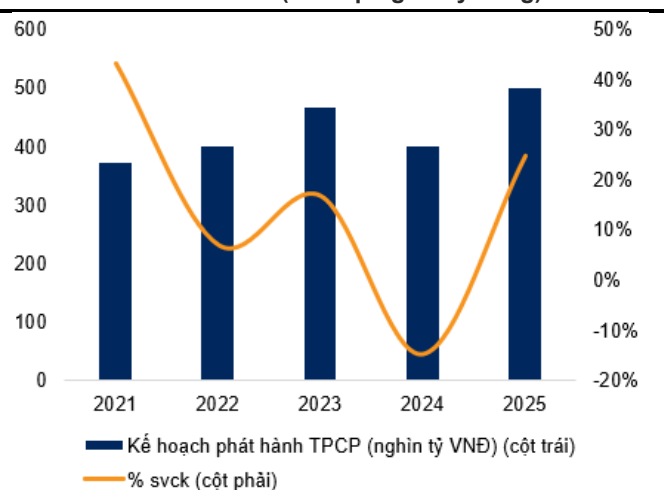
Riêng tháng 10/2025, phát hành trái phiếu Chính phủ (TPCP) tăng 63,4% so với tháng trước lên 27,74 nghìn tỷ đồng (1,05 tỷ USD) với lãi suất trúng thầu cũng tăng ở hầu hết các kỳ hạn. Lũy kế 10T25, phát hành mới hoàn thành 56,7% kế hoạch cả năm, phản ánh áp lực huy động vốn lớn vào cuối năm.

Hình 16: Ngân sách nhà nước

Đơn vị: tỷ đồng	10T25	%KH	%svck
Tổng thu NSNN	2.182,7	111,0%	30,8%
Thu nội địa	1.876,5	112,5%	35,0%
Thu từ dầu thô	40,3	75,7%	-16,3%
Thu từ hoạt động XNK	264,6	112,6%	14,8%
Tổng chi NSNN	1.835,7	71,2%	32,1%
Chi thường xuyên	1.253,0	78,4%	31,0%
Chi đầu tư, phát triển	491,0	62,1%	41,9%
Chi trả nợ lãi	85,7	77,5%	0,2%
Cán cân tài khóa	347,0		

Nguồn: Bộ Tài Chính, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: Phát hành TPCP (đơn vị: nghìn tỷ đồng)



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Thương mại duy trì sức bật trước tác động thuế quan

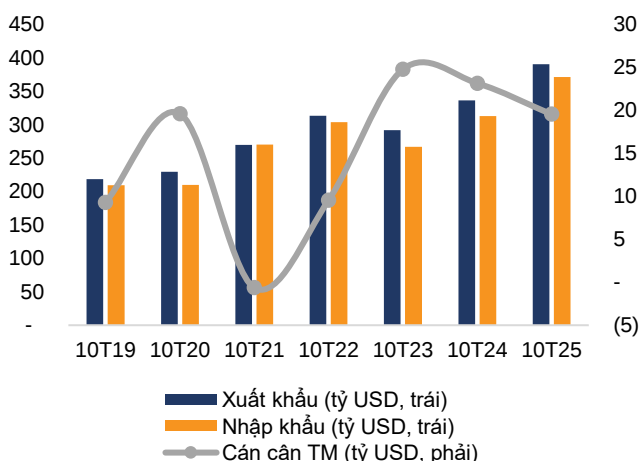
Khoảng cách giữa doanh nghiệp FDI và trong nước mở rộng

Theo Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu tháng 10/2025 giảm nhẹ so với tháng trước, đạt lần lượt 42,7 tỷ USD (-1,5% MoM) và 39,4 tỷ USD (-1,5% MoM), tương ứng xuất siêu 2,6 tỷ USD. Tăng trưởng xuất khẩu

(17,5% svck) và nhập khẩu (16,8% svck) có phần giảm tốc so với tháng trước nhưng vẫn cao so với mặt bằng tăng trưởng các tháng gần đây. Kết quả cho thấy hoạt động thương mại vẫn duy trì sức bật, dù đã trải qua ba tháng dưới tác động của chính sách thuế quan mới.

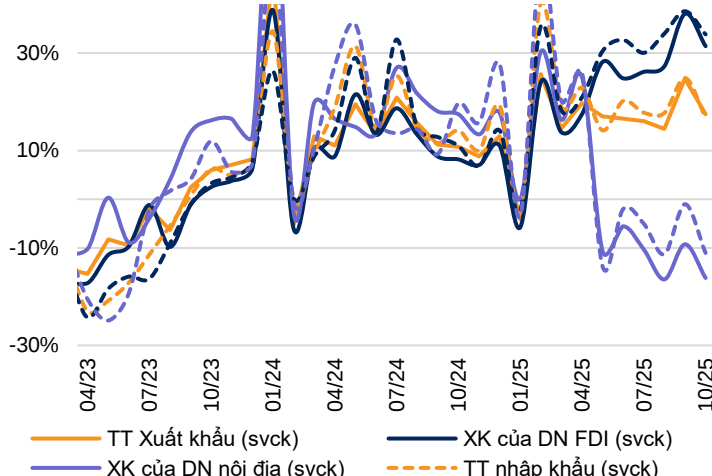
Tính chung 10T25, xuất khẩu và nhập khẩu đạt lần lượt 391 tỷ đồng (+16,2% svck) và 371 tỷ đồng (+16,2% svck), tạo ra xuất siêu 19,5 tỷ USD (cùng kỳ xuất siêu 23,2 tỷ USD). Tuy nhiên, sức mạnh xuất khẩu phần lớn đến từ khu vực FDI, chiếm gần 70% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, tăng trưởng 22,8% svck, trong khi xuất khẩu của các doanh nghiệp nội địa giảm nhẹ 0,4% svck trong 10T25.

Hình 18: Tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam



Nguồn: Tổng cục hải quan, VNDIRECT RESEARCH

Hình 19: Tăng trưởng xuất nhập khẩu hàng tháng svck



Nguồn: Tổng cục hải quan, VNDIRECT RESEARCH

Nhóm FDI dẫn dắt tăng trưởng nhờ các mặt hàng máy vi tính và điện tử

Xuất khẩu khu vực FDI (chiếm 70% tổng kim ngạch xuất khẩu) tăng mạnh 31,4% svck trong tháng 10, ngoại trừ tháng 9 (+38,1%) đây là mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 1/2024, được thúc đẩy bởi việc dịch chuyển sản xuất và đơn hàng từ Trung Quốc sang Việt Nam, qua đó củng cố vị thế của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Tính chung 10T25, xuất khẩu khu vực FDI đạt 296 tỷ USD, tăng 22,8% svck. Trong đó, nhóm hàng Máy vi tính, sản phẩm điện tử, linh kiện chiếm 28,5% xuất khẩu khu vực FDI, tăng 47,5% YoY, đóng góp 49% trong tổng mức tăng chung của khu vực này trong 10T25.

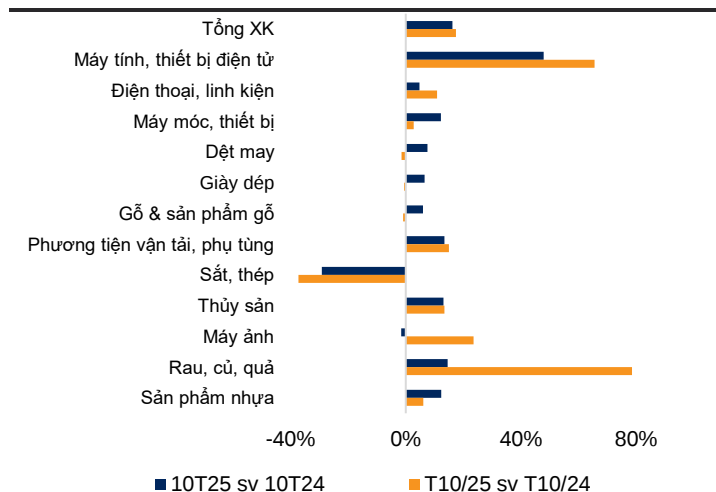
Xuất khẩu khu vực trong nước giảm mạnh ở một số mặt hàng chủ lực như gạo, xăng dầu, sắt thép

Xuất khẩu từ các doanh nghiệp nội địa trong tháng 10 giảm 16,2% svck, đánh dấu sáu tháng liên tiếp ghi nhận mức tăng trưởng âm. Tính chung 10T25, xuất khẩu của khu vực trong nước đạt 95,3 tỷ USD, giảm 0,4% svck. Sự sụt giảm ghi nhận ở nhiều mặt hàng khác nhau, đáng chú ý xuất khẩu Máy ảnh, máy quay phim, linh kiện giảm mạnh từ 3,7 tỷ USD xuống còn 1,3 tỷ USD (-65% svck). Ngoài ra, xuất khẩu ở một số mặt hàng chủ lực của các doanh nghiệp trong nước giảm mạnh như gạo (-25% svck), than đá, dầu thô, xăng dầu (tính chung giảm 37,3% svck), sắt thép (-31% svck) là các nguyên nhân chính gây ra mức tăng trưởng âm ở khu vực các doanh nghiệp trong nước. Xuất khẩu ở các mặt hàng này giảm cả về lượng và giá do nhu cầu toàn cầu suy yếu khiến sự cạnh tranh trên thị trường quốc tế trở nên gay gắt hơn.

Đối với mặt hàng gạo, từ ngày 01/9/2025, Chính phủ Philippines quyết định tạm ngừng nhập khẩu gạo xay xát thường và gạo kỹ trong vòng 60 ngày. Dù lệnh

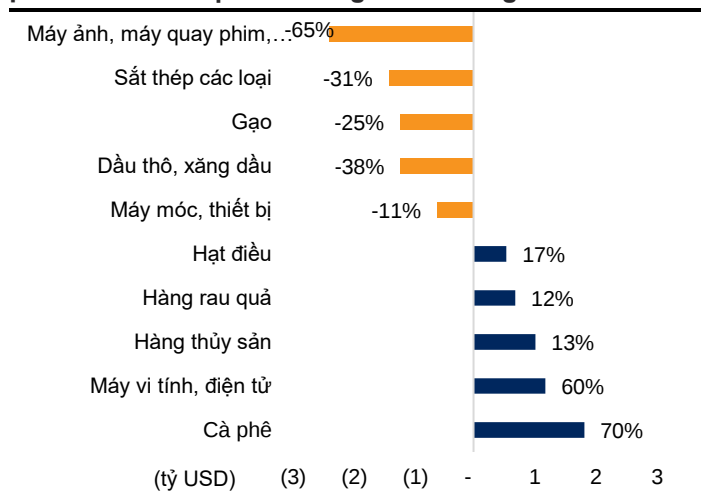
cầm này không áp dụng với gạo đặc sản và gạo thơm của Việt Nam, nhưng khiến giá gạo trên thị trường quốc tế giảm mạnh. Hiện tại, Philippines là thị trường nhập khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam, chiếm khoảng 42% tổng lượng gạo xuất khẩu. Giá xuất khẩu gạo bình quân 10T25 của Việt Nam đã giảm 17% trong khi lượng gạo xuất khẩu chỉ giảm 7% svck.

Hình 20: Tăng trưởng các mặt hàng xuất khẩu chính



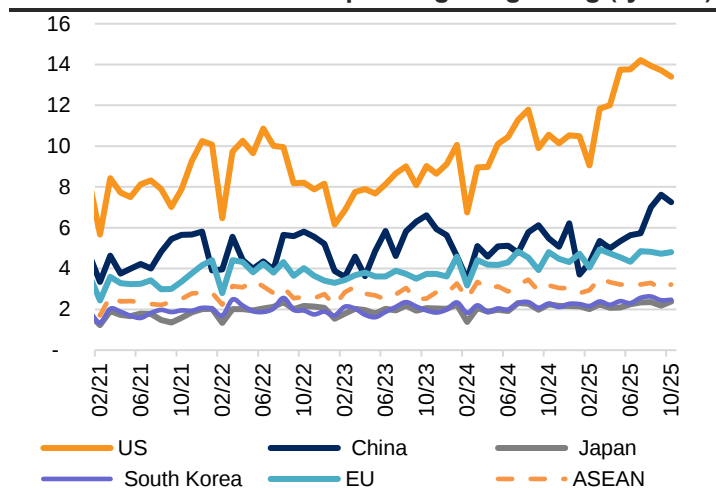
Nguồn: Tổng cục hải quan, VNDIRECT RESEARCH

Hình 21: Thay đổi kim ngạch xuất khẩu một số sản phẩm của khu vực DN trong nước trong 10T25 svck



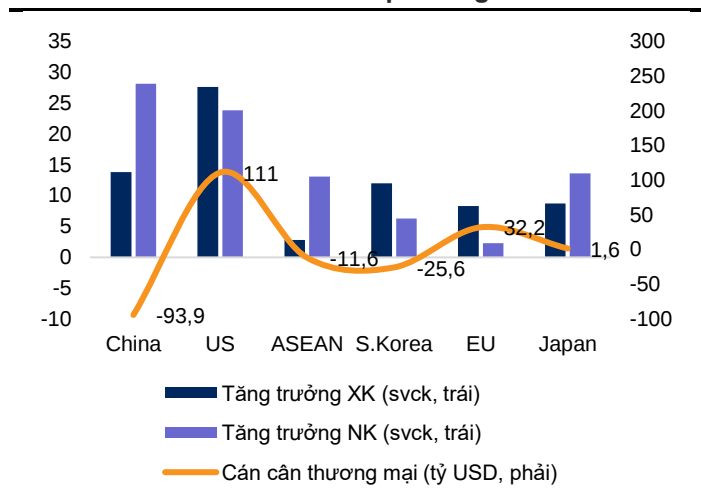
Nguồn: Tổng cục hải quan, VNDIRECT RESEARCH

Hình 22: Xuất khẩu theo thị trường hàng tháng (tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục hải quan, VNDIRECT RESEARCH

Hình 23: Cán cân XNK theo thị trường 10T2025



Nguồn: Tổng cục hải quan, VNDIRECT RESEARCH

Về thị trường, Mỹ tiếp tục là điểm đến xuất khẩu lớn nhất, tăng trưởng 27,6% svck, mang lại thặng dư thương mại 111 tỷ USD. Mặc dù xuất khẩu sang Mỹ trong tháng 10 giảm so tháng trước, xu hướng này cũng thường thấy ở những năm trước đây – tăng trưởng chậm lại sau khi các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu trong tháng 6, 7, 8.

Ở chiều ngược lại, nhập khẩu từ Trung Quốc tăng 28,1% svck với mức nhập siêu 93,9 tỷ USD. Với mức chênh lệch cán cân thương mại lớn giữa hai thị trường, Việt Nam đã bị xem là nơi trung chuyển hàng hóa từ Trung Quốc sang Mỹ. Do đó trong thời gian tới Việt Nam cần đa dạng hóa thị trường xuất nhập

khẩu cũng như tăng cường tỷ lệ nội địa hóa để tránh các mức thuế trừng phạt của Mỹ.

Theo báo cáo PMI của S&P Global, đơn hàng xuất khẩu mới quay lại tăng trưởng lần đầu tiên sau gần một năm, dù còn khiêm tốn, cho thấy triển vọng thương mại tích cực hơn. Tuy nhiên, với các diễn biến bất ngờ trên thị trường quốc tế, chúng tôi cho rằng vẫn cần theo dõi tình hình xuất nhập khẩu trong những tháng tới.

Lạm phát và áp lực tỷ giá tăng trong kiểm soát

Áp lực lạm phát giảm trong tháng 10 dù bị ảnh hưởng bởi mưa bão

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Việt Nam tháng 10 tăng nhẹ 0,2% so với tháng trước và 3,25% svck (giảm so với mức tăng 0,42% MoM và 3,38% svck trong tháng 9). Lạm phát cơ bản tăng với mức 0,34% MoM và 3,29% svck (so với 0,2% MoM và 3,18% svck trong tháng 9).

Áp lực lạm phát trong tháng 10 chủ yếu đến từ giá thực phẩm cao hơn tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi lũ lụt sau các cơn bão gần đây, khiến chi phí đầu vào cho hoạt động thực phẩm & dịch vụ tăng lên. Chỉ số CPI tháng 10 nhóm Thực phẩm & lương thực, tăng 0,6% MoM, đóng góp 0,15 điểm phần trăm vào CPI chung. Ngoài ra, nhóm Giáo dục cũng đóng góp đáng kể, tăng 0,51% MoM do điều chỉnh học phí cho năm học 2025–2026 tại một số trường tư thục và bán công. Đáng chú ý, nhóm Hàng hóa & dịch vụ khác tăng 0,43% do giá trang sức tăng 9,82% MoM, phù hợp với giá vàng thế giới đạt mức kỷ lục (chỉ số giá vàng trong nước tháng 10 tăng +12,5% MoM, +63,6% YoY).

Dù vậy, áp lực này phần nào được trung hòa bởi giá nhiên liệu giảm theo biến động của thị trường dầu thế giới. Nhóm Giao thông giảm 0,81% MoM, kéo CPI chung xuống 0,08 điểm phần trăm, chủ yếu do giá xăng giảm 2,48% phù hợp với biến động giá dầu thế giới trong tháng.

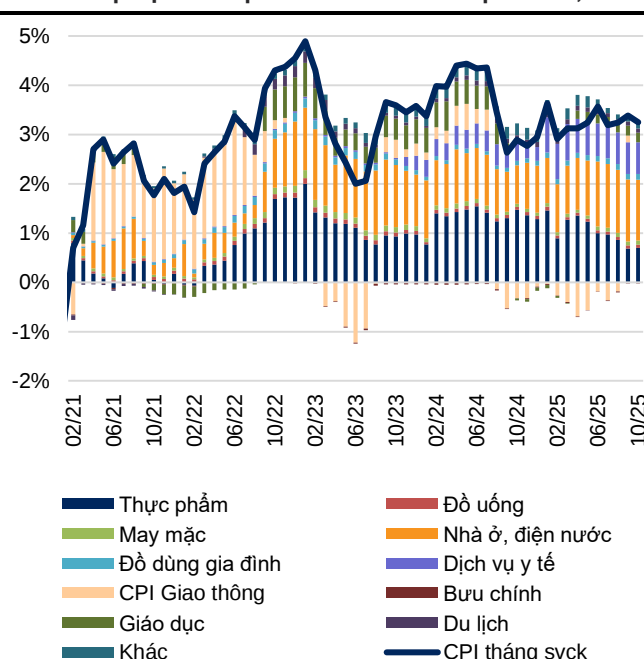
Tính từ đầu năm, lạm phát bình quân đạt 3,25%, vẫn dưới mục tiêu 4,5–5,0% của Chính phủ. Chúng tôi duy trì dự báo cả năm ở mức 3,3% YoY, thấp hơn mức 3,6% của năm 2024.

Hình 24: Cơ cấu CPI T10 và 10T2025

	Tỷ trọng (%)	MoM	YoY	BQ 10T25 svck
CPI	100%	0,20%	3,25%	3,27%
Thực phẩm	34%	0,59%	2,09%	3,18%
Lương thực	4%	0,02%	-1,46%	0,47%
Thực phẩm	21%	0,69%	1,96%	3,43%
Ăn uống ngoài gia đình	9%	0,57%	3,96%	3,74%
Đồ uống	3%	0,12%	2,36%	2,22%
May mặc	6%	0,18%	1,50%	1,29%
Nhà ở, điện nước, chất đốt & VLXD	19%	0,01%	6,76%	6,20%
Đồ dùng gia đình	7%	0,20%	1,69%	1,64%
Dịch vụ y tế	5%	0,04%	12,63%	13,39%
Giao thông	10%	-0,81%	-0,02%	-2,61%
Bưu chính	3%	0,03%	-0,54%	-0,48%
Giáo dục	6%	0,51%	3,27%	1,95%
Du lịch	5%	0,06%	1,81%	1,96%
Khác	4%	0,43%	3,06%	5,13%
Lạm phát cơ bản	100%	0,35%	3,30%	3,20%

Nguồn: NSO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 25: Lạm phát được kiểm soát dưới mục tiêu 4,5%



Nguồn: NSO, VNDIRECT RESEARCH

Tỷ giá biến động hẹp trước cuộc họp tháng 12 của Fed

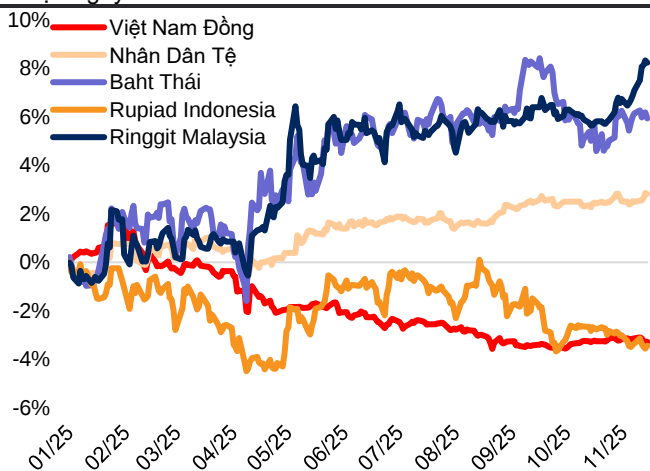
Từ nửa sau tháng 10 và đầu tháng 11, tỷ giá USD/VND di chuyển trong xu hướng giảm hẹp từ 26,350 xuống mức thấp nhất 2 tháng 26,300 (+3,1% so với đầu năm) ghi nhận vào ngày 10/11. Các yếu tố hỗ trợ tỷ giá bao gồm: 1) Fed hạ lãi suất liên bang 25 điểm cơ bản hai lần liên tiếp trong tháng 9 và tháng 10, đưa lãi suất xuống biên độ 3,75% - 4,00%, mức thấp nhất kể từ năm 2022; 2) Ngân hàng Nhà nước can thiệp trường ngoại hối với ba đợt bán USD kỳ hạn 180 ngày có hủy ngang, giá thực hiện 26,550 (ngày 22/8, 1/10 và 31/10) với tổng giá trị 4,5 tỷ USD; 3) căng thẳng thương mại hạ nhiệt trong khi số liệu vĩ mô trong nước bao gồm giải ngân FDI và thặng dư thương mại tương đối tích cực.

Tuy nhiên, từ 12/10 đến 14/10, tỷ giá USD đã quay trở lại mức 26,350 (+3,3 so với đầu năm) do xác suất hạ lãi suất của Fed trong tháng 12 giảm xuống dưới 50% (theo CME Fed Watch Tool ngày 16/11). Mặc dù Chính phủ Mỹ đã chính thức hoạt động trở lại vào tới 12/11, 43 ngày đóng cửa dài nhất lịch sử đã ảnh hưởng đến việc thu thập và công bố các dữ liệu kinh tế Mỹ. Nhà Trắng cho biết báo cáo việc làm và chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10 có thể sẽ không được công bố.

Áp lực tỷ giá có thể vẫn tiếp diễn nếu Fed giảm lãi suất chậm hơn kỳ vọng. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng nguồn cung ngoại tệ từ giải ngân FDI, thặng dư thương mại và kiều hối gia tăng vào cuối năm cũng sẽ phần nào giúp NHNN kiểm soát áp lực tỷ giá.

Hình 26: Tăng/giảm giá của một số đồng tiền so với USD

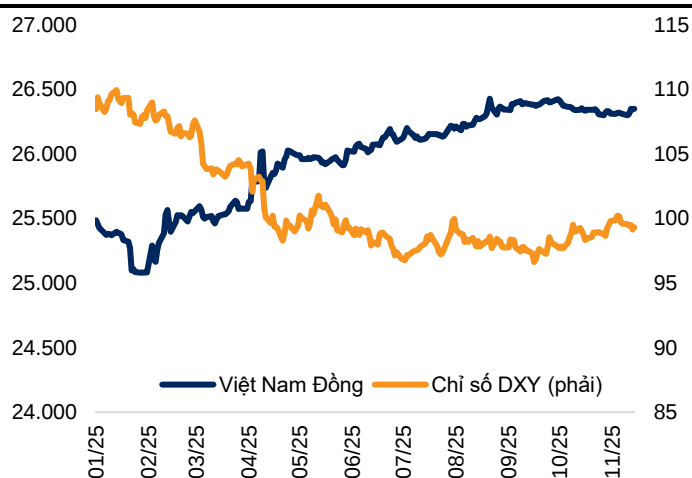
Dữ liệu ngày 14/11/2025



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 27: Tỷ giá USD/VND so với chỉ số Dollar (DXY)

Dữ liệu ngày 14/11/2025



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 28: Các dự báo vĩ mô chính cho năm 2025-2026

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025F	2026F
GDP danh nghĩa	tỷ USD	310	334	347	366	413	434	476	518	567
Tăng trưởng GDP thực	% YoY	7,5	7,4	2,9	2,6	8,5	5,1	7,1	8,0	8,5
GDP bình quân đầu người	USD	3.222	3.441	3.534	3.704	4.148	4.323	4.717	5.094	5.554
Tăng trưởng XK	% YoY	13,3	8,4	6,9	18,9	10,6	-4,6	14,4	15,5	13,0
Tăng trưởng NK	% YoY	11,8	6,9	3,7	26,7	8	-9,2	16,7	17,6	14,0
Cán cân thương mại	tỷ USD	6,9	10,9	18,9	3,3	12,3	28,4	24,9	20,8	19,1
FDI thực hiện	tỷ USD	19,1	20,4	20	19,7	22,4	23,2	25,4	27,5	29,7
Tài khoản vãng lai	tỷ USD	5,8	12,2	15,1	-7,2	-1,1	25,8	28	20,7	22,7
Tài khoản vãng lai/GDP	% GDP	1,9	3,6	4,3	-2	-0,3	6	5,9	4,0	4,0
Dự trữ ngoại hối	tỷ USD	55	78	95	109	88	93	84	84,0	90,8
Dự trữ ngoại hối/GDP	% GDP	17,8	23,3	27,4	29,8	21,2	21,5	17,7	16,2	16,0
Dự trữ theo tháng NK	tháng	2,8	3,7	4,3	3,9	2,9	3,4	2,6	2,1	2,0
CPI (YoY, cuối năm)	% YoY	3,1	5,2	0,2	1,8	4,4	3,6	2,9	3,5	4,2
CPI (Bình quân)	% YoY	3,5	2,8	3,2	1,8	3,2	3,3	3,6	3,3	4,0
Tăng trưởng tín dụng	% YoY	13,9	13,6	12,2	13,6	14,2	13,8	15,1	19,0	16,0
Dư nợ tín dụng/GDP	% GDP	103	106	114	123	124	132	136	144	152
Tăng trưởng M2	% YoY	12,4	14,8	14,7	10,7	6,2	12,5	12,3	16,0	14,0
Lãi suất tái cấp vốn	%	6,25	6	4	4	4	4,5	4,5	4,5	4,5
LS tiền gửi 12 tháng bình quân	%	6,9	7	5,6	5,6	5,6	4,9	4,9	4,9	5,0
Lợi suất TPCP 10 năm	%	5,1	3,4	2,4	2,1	2,1	2,2	3,0	3,7	4,0
Tỷ giá liên ngân hàng cuối năm	VND/USD	23.175	23.173	23.098	22.826	22.826	24.267	25.485	26.400	26.950
Cán cân tài khóa	% GDP	2,2	2,9	2,9	3,4	3,4	3,9	3,0	3,8	4,0
Nợ công	% GDP	46,0	43,0	44,0	43,0	42,7	36,0	34,0	35,0	35-36

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, TCTK, NHNN, BTC

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân tích và Tư vấn đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này.

VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VNDIRECT

Khuyến nghị cổ phiếu

Định nghĩa:

KHẢ QUAN Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên trong vòng 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -10% đến 15% trong vòng 12 tháng tới

KÉM KHẢ QUAN Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -10% trong vòng 12 tháng tới.

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Khuyến nghị ngành

Định nghĩa:

TÍCH CỰC Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tích cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

TRUNG TÍNH Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị trung bình, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

TIÊU CỰC Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tiêu cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

Hoàng Việt Phương – Giám đốc Khối Nghiên cứu và Tư vấn đầu tư

Email: phuong.hoangviet@vndirect.com.vn

Trương Thanh Nguyên – Chuyên viên phân tích

Email: Nguyen.truongthanh@vndirect.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền – Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại: +84 2439724568

Email: research@vndirect.com.vn

Website: <https://vndirect.com.vn>